TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2021/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh H;

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh H;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Cháu Bùi Thị Q, sinh ngày 06/10/2005;

- Cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 17/10/2012;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật: Anh Bùi Văn H và chị Trần Thị T là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/12/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đxã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H nhất trí thuận

tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/9/2003; Bùi Thị Q, sinh ngày 06/10/2005; Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 17/10/2012. Anh H và chị T thỏa thuận thống nhất giao cháu Bùi Thị Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, tự lập được; giao cháu Bùi Thị Ngọc T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, tự lập được. Anh H và chị T thỏa thuận do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đối với cháu Bùi Minh Đ đã trưởng thành, tự lập được nên anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn H và chị Trần Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H thỏa thuận thống nhất chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006003 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; chị T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Trần Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã N, GCNKH số 04/2004;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền